

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý hoạt động ủy thác và nhận ủy thác của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đồng Nai

HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

Căn cứ Thông tư số 86/2021/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 147/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-NHNN ngày 06/11/2014 của Ngân hàng Nhà nước quy định về ủy thác và nhận ủy thác của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; Thông tư số 14/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 30/2014/TT-NHNN ngày 06/11/2014;

Căn cứ Quyết định số 479/QĐ.CT.UBT ngày 18 tháng 02 năm 2000 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thành lập Quỹ Đầu tư phát triển Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 2932/QĐ-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của Giám đốc và ý kiến của các Thành viên Hội đồng Quản lý Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đồng Nai,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý hoạt động ủy thác và nhận ủy thác của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 21/QĐ-HĐQL ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Hội đồng Quản lý Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Quy chế ủy thác và nhận ủy thác của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đồng Nai.

Điều 3. Các thành viên Hội đồng Quản lý, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đồng Nai, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ
CHỦ TỊCH



Võ Tấn Đức



QUY CHẾ
QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG ỦY THÁC VÀ NHẬN ỦY THÁC
CỦA QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỈNH ĐỒNG NAI

*(Kèm theo Quyết định số 12/QĐ-HDQL ngày 04/7/2023
của Hội đồng quản lý Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đồng Nai)*

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi áp dụng: Quy chế này quy định hoạt động ủy thác và nhận ủy thác của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đồng Nai (gọi tắt là Quỹ) phù hợp với Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ và các quy định của pháp luật hiện hành, cụ thể như sau:

a) Hoạt động ủy thác

Quỹ được ủy thác hoạt động nghiệp vụ cho các tổ chức tín dụng và các ngân hàng chính sách thực hiện. Việc ủy thác phải được thực hiện bằng văn bản ủy thác giữa Quỹ với tổ chức nhận ủy thác.

b) Hoạt động nhận ủy thác

Quỹ được nhận ủy thác quản lý nguồn vốn đầu tư; cho vay và thu hồi nợ; cấp phát vốn đầu tư cho các công trình, dự án từ ngân sách nhà nước, từ các ngân hàng chính sách, từ các doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; nhận ủy thác quản lý nguồn vốn, hoạt động của các Quỹ tài chính Nhà nước địa phương.

Việc nhận ủy thác phải được thực hiện theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc hợp đồng nhận ủy thác giữa Quỹ với các tổ chức, cá nhân ủy thác.

2. Đối tượng áp dụng: Quỹ, các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động nhận ủy thác hoặc ủy thác quy định tại quy chế này.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Ủy thác: Là việc Quỹ giao vốn bằng tiền cho bên nhận ủy thác để thực hiện hoạt động theo quy định tại Điều 1 Quy chế này đối với đối tượng ủy thác; Quỹ chịu mọi rủi ro về hoạt động ủy thác, bên nhận ủy thác được hưởng phí ủy thác.

2. Ủy thác quản lý hoạt động: Là việc bên ủy thác giao việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình cho bên nhận ủy thác để thực hiện hoạt động quy định tại Hợp đồng ủy thác.

3. Nhận ủy thác: Là việc Quỹ nhận ủy thác các nguồn vốn hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để thực hiện các nhiệm vụ nêu tại Điều 1 Quy chế này.

4. Chủ đầu tư: Là đơn vị có dự án, phương án đầu tư theo quy định của pháp luật được thụ hưởng nguồn vốn ủy thác.

5. Hợp đồng ủy thác: Là thỏa thuận bằng văn bản được ký giữa bên ủy thác và bên nhận ủy thác.

6. Vốn ủy thác: Là khoản tiền mà bên ủy thác giao cho bên nhận ủy thác để thực hiện nội dung ủy thác.

7. Phí ủy thác: Là khoản tiền mà bên ủy thác trả cho bên nhận ủy thác để thực hiện nội dung ủy thác được quy định tại hợp đồng ủy thác, phù hợp với quy định của pháp luật.

8. Thời hạn ủy thác: Là khoản thời gian tính từ thời điểm bên nhận ủy thác bắt đầu thực hiện nội dung ủy thác cho đến thời điểm hoàn thành nội dung ủy thác, được quy định tại hợp đồng ủy thác.

Điều 3. Nguồn vốn ủy thác và nhận ủy thác

1. Nguồn vốn ủy thác:

Là nguồn vốn hoạt động của Quỹ ủy thác cho bên nhận ủy thác theo hợp đồng giữa Quỹ và bên nhận ủy thác.

2. Nguồn vốn nhận ủy thác bao gồm:

a) Nguồn vốn từ ngân sách Nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách Nhà nước;

b) Nguồn vốn từ các ngân hàng chính sách; từ các doanh nghiệp và các tổ chức hoặc cá nhân trong và ngoài nước;

c) Nguồn vốn hoạt động của các Quỹ tài chính Nhà nước tại địa phương.

Vốn nhận ủy thác không tính vào nguồn vốn hoạt động của Quỹ. Vốn nhận ủy thác và tài sản hình thành từ vốn nhận ủy thác (nếu có) được hạch toán và quản lý tách biệt với nguồn vốn và tài sản của Quỹ.

Điều 4. Nguyên tắc ủy thác và nhận ủy thác

1. Việc ủy thác và nhận ủy thác phải thực hiện thông qua hợp đồng ủy thác phù hợp với quy định tại Điều 7 Quy chế này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Bên ủy thác chỉ được ủy thác cho bên nhận ủy thác thực hiện những nội dung ủy thác mà bên ủy thác được thực hiện và được ủy thác theo quy định của pháp luật.

3. Việc giao vốn ủy thác phải phù hợp với tiến độ thực hiện nội dung ủy thác.

4. Bên nhận ủy thác chỉ được nhận ủy thác đối với những nội dung ủy thác mà bên nhận ủy thác được thực hiện và được nhận ủy thác theo quy định của pháp luật; bên nhận ủy thác không được sử dụng vốn ủy thác trái với mục đích, nội dung ủy thác được quy định tại hợp đồng ủy thác.

5. Bên nhận ủy thác không được ủy thác lại cho bên thứ ba.

6. Việc nhận ủy thác quản lý hoạt động phải tuân thủ các định mức, chế độ và quy định của Nhà nước đối với đơn vị ủy thác.

7. Quỹ được hưởng phí nhận ủy thác và trả phí ủy thác theo thỏa thuận ghi trong hợp đồng ủy thác và nhận ủy thác.

Điều 5. Cơ chế quản lý vốn

1. Đối với vốn ngân sách và vốn có nguồn gốc từ ngân sách Nhà nước:

a) Việc quản lý nguồn vốn đầu tư được thực hiện theo Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính về quản lý thanh toán vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư xây dựng.

b) Việc cho vay và thu hồi nợ: Quỹ quản lý, cho vay theo các điều khoản thỏa thuận quy định trong hợp đồng ủy thác và hợp đồng cho vay vốn đầu tư phù hợp với các quy định của Luật ngân sách Nhà nước, Luật đầu tư và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính về quản lý thanh toán vốn đầu tư, vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư và xây dựng thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước.

c) Việc quản lý hoạt động của các Quỹ tài chính Nhà nước tại địa phương được thực hiện theo quy chế hoạt động của các Quỹ tài chính Nhà nước tại địa phương và hợp đồng ủy thác và nhận ủy thác đã ký kết.

2. Đối với vốn từ các ngân hàng chính sách, từ các doanh nghiệp và các tổ chức hoặc cá nhân trong và ngoài nước: Quỹ quản lý, thanh toán, cho vay theo thỏa thuận trong hợp đồng và các quy định tại quy chế này.

Điều 6. Chuyển vốn ủy thác

1. Sau khi ký kết hợp đồng, bên ủy thác thực hiện chuyển vốn theo thỏa thuận tại hợp đồng ủy thác đã ký.

2. Trong trường hợp bên ủy thác bàn giao nguồn vốn ủy thác cho Quỹ chậm làm ảnh hưởng đến thời gian thanh toán, cho vay vốn nhận ủy thác sẽ do bên ủy thác chịu trách nhiệm.

Điều 7. Hợp đồng ủy thác và nhận ủy thác

1. Hợp đồng ủy thác do bên ủy thác và bên nhận ủy thác quy định và bao gồm các nội dung cơ bản sau:

a) Tên, địa chỉ, tư cách pháp nhân, người đại diện pháp luật của các bên;

b) Mục đích; nội dung;

c) Vốn ủy thác; thời hạn ủy thác; chi phí ủy thác;

d) Đối tượng thụ hưởng; trách nhiệm thẩm định và giám sát hoạt động ủy thác và nhận ủy thác; trách nhiệm xử lý rủi ro của các bên;

đ) Hình thức thanh toán phí;

e) Quyền và nghĩa vụ của các bên; xử lý các trường hợp chấm dứt hợp đồng ủy thác trước thời hạn; điều khoản về xử lý vi phạm (nếu có);

g) Các nội dung khác do các bên thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Quy định tài liệu ký hợp đồng:

a) Văn bản đề nghị của bên ủy thác hoặc văn bản thương thảo của bên ủy thác và bên nhận ủy thác (*bản chính*);

b) Quyết định phê duyệt và điều lệ, tổ chức hoạt động của đơn vị (nếu có); giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (nếu có) (*nếu đơn vị là doanh nghiệp - bản sao có chứng thực*);

c) Quyết định giao nhiệm vụ (*hoặc giấy ủy quyền*) làm đại diện bên ủy thác (*trường hợp ký hợp đồng theo ủy quyền - bản chính*);

d) Các tài liệu khác liên quan đến chương trình, dự án được ủy thác (*bản chính hoặc bản sao có chứng thực*).

3. Mức phí và cách tính phí: theo thỏa thuận trên cơ sở quy định của pháp luật và được thể hiện trong hợp đồng ủy thác và nhận ủy thác.

4. Đồng tiền ủy thác và nhận ủy thác: Việt Nam đồng.

Chương II **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 8. Ủy thác

1. Quỹ có thể ủy thác cho các đối tượng quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 1 Quy chế này thực hiện cho vay và thu hồi nợ một số dự án thuộc đối tượng vay vốn của Quỹ theo các quy định hiện hành.

2. Nội dung ủy thác được thỏa thuận cụ thể trong hợp đồng ủy thác do Quỹ ký kết với bên nhận ủy thác và được quy định tại Điều 7 Quy chế này.

3. Thẩm quyền quyết định vốn ủy thác:

a) Mức vốn ủy thác cho vay đối với 01 dự án/phương án trên 15% vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm ủy thác của Quỹ do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

b) Mức vốn ủy thác cho vay đối với 01 dự án/phương án từ trên 03% đến 15% vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm ủy thác của Quỹ do Hội đồng quản lý quyết định.

c) Mức vốn ủy thác cho vay đối với 01 dự án/phương án đến 03% vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm ủy thác của Quỹ do Giám đốc quyết định.

4. Việc phân loại nợ, trích lập quỹ dự phòng rủi ro và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro đối với việc ủy thác được thực hiện theo quy định tại quy chế cho vay và quy chế xử lý rủi ro của Quỹ.

Điều 9. Nhận ủy thác

1. Nhận ủy thác quản lý nguồn vốn đầu tư, cấp phát vốn đầu tư:

a) Hồ sơ thanh toán vốn đầu tư nhận ủy thác phải đảm bảo đầy đủ theo quy định của Nhà nước đối với từng loại vốn đầu tư nhận ủy thác. Quỹ có trách nhiệm kiểm tra sự đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ của từng loại hồ sơ, tài liệu và yêu cầu chủ đầu tư bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp với trình tự, thủ tục theo quy định.

b) Các tài liệu của hồ sơ thanh toán vốn đầu tư nhận ủy thác do chủ đầu tư gửi đến Quỹ phải là bản chính hoặc bản sao có chứng thực từ bản chính theo đúng quy định hiện hành.

c) Đối với tài liệu do chủ đầu tư lập, chủ đầu tư chịu trách nhiệm về tính pháp lý và tính chính xác của các tài liệu đó.

d) Thanh lý hợp đồng ủy thác: việc thanh lý hợp đồng ủy thác thực hiện theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng đã ký giữa bên ủy thác và Quỹ.

2. Nhận ủy thác nguồn vốn để cho vay:

a) Việc ủy thác và nhận ủy thác cho vay phải thực hiện thông qua hợp đồng ủy thác cho vay vốn giữa bên ủy thác và bên nhận ủy thác cho vay phù hợp với quy định tại quy chế này và các quy định khác của pháp luật;

b) Khách hàng vay, đối tượng cho vay, điều kiện cho vay, mức vốn cho vay, lãi suất cho vay, gia hạn nợ, bảo đảm tiền vay, xử lý rủi ro do bên ủy thác và bên nhận ủy thác cho vay thỏa thuận và cam kết ghi trong hợp đồng phù hợp các quy định của pháp luật;

Việc cho vay vốn ủy thác được thực hiện theo hợp đồng cho vay vốn đầu tư ủy thác. Mỗi lần rút vốn vay, chủ đầu tư phải ký nhận nợ vào khế ước nhận nợ kèm theo hợp đồng cho vay vốn đầu tư ủy thác.

3. Nhận ủy thác quản lý nguồn vốn, hoạt động:

a) Quỹ được nhận ủy thác quản lý nguồn vốn, hoạt động của các quỹ tài chính nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập.

Căn cứ điều lệ tổ chức và hoạt động, các quy trình, quy chế ... của các Quỹ tài chính Nhà nước; Quỹ bố trí, phân công nhiệm vụ cho cán bộ Quỹ kiêm nhiệm thực hiện công tác quản lý, hoạt động chuyên môn nghiệp vụ đúng quy định nhằm đảm bảo hiệu quả cao nhất.

b) Quỹ nhận thực hiện phát hành trái phiếu chính quyền địa phương theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh để huy động vốn cho ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật.

4. Thẩm quyền quyết định nhận ủy thác:

Giám đốc Quỹ được quyết định trên cơ sở phù hợp với năng lực tổ chức, điều hành, hoạt động của Quỹ và phù hợp với các quy định của pháp luật, không phụ thuộc vào giá trị nguồn vốn nhận ủy thác.

Điều 10. Quyền và nghĩa vụ của bên ủy thác

1. Bên ủy thác có các quyền sau:

a) Yêu cầu bên nhận ủy thác thực hiện đúng các quy định về quản lý cho vay vốn ủy thác;

b) Yêu cầu bên nhận ủy thác báo cáo, cung cấp tài liệu, thông tin về tình hình, kết quả thực hiện hợp đồng ủy thác;

c) Giám sát, kiểm tra bên nhận ủy thác thực hiện theo đúng nội dung, phạm vi được ủy thác theo quy định;

d) Có quyền quyết định cho vay, các biện pháp và hình thức xử lý nợ vay, chịu trách nhiệm về tính hiệu quả và khả năng thu hồi nợ vay đối với các dự án ủy thác cho Quỹ quản lý, cho vay vốn đầu tư;

đ) Có quyền từ chối yêu cầu của bên nhận ủy thác nếu yêu cầu đó không đúng với nội dung thoả thuận trong hợp đồng ủy thác;

e) Các quyền khác theo quy định tại hợp đồng ủy thác, phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Bên ủy thác có các nghĩa vụ sau:

a) Chuyển vốn ủy thác cho bên nhận ủy thác theo tiến độ thực hiện nội dung ủy thác theo quy định;

b) Cung cấp cho bên nhận ủy thác các thông tin, tài liệu có liên quan đến ủy thác theo quy định;

c) Thanh toán phí cho bên nhận ủy thác;

d) Có trách nhiệm phối hợp với bên nhận ủy thác kiểm tra, xử lý những vướng mắc trong việc triển khai thực hiện hợp đồng ủy thác. Hướng dẫn các đơn vị sử dụng vốn ủy thác thực hiện theo đúng cơ chế, chính sách của Nhà nước và quy định của cơ quan có thẩm quyền;

đ) Các nghĩa vụ khác theo quy định tại hợp đồng ủy thác, phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của bên nhận ủy thác

1. Bên nhận ủy thác có các quyền sau:

a) Từ chối yêu cầu của bên ủy thác không có liên quan với nội dung đã quy định tại hợp đồng ủy thác hoặc không đúng quy định của pháp luật;

b) Được nhận phí ủy thác;

c) Yêu cầu bên ủy thác cung cấp các thông tin, tài liệu liên quan đến ủy thác theo quy định;

d) Các quyền khác theo quy định tại hợp đồng ủy thác, phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Bên nhận ủy thác có các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện đúng nội dung, phạm vi ủy thác theo quy định tại hợp đồng ủy thác;

b) Thực hiện kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn nhận ủy thác theo quy định;

c) Thông báo kịp thời đầy đủ cho bên ủy thác về tình hình thực hiện nội dung ủy thác;

d) Chịu trách nhiệm về hiệu quả cho vay và khả năng thu hồi nợ vay đối với các dự án do Quỹ ủy thác được quy định tại hợp đồng ủy thác;

đ) Chuyển trả cho bên ủy thác tất cả lợi ích hợp pháp, các hồ sơ, giấy tờ có liên quan theo quy định;

e) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định tại hợp đồng ủy thác.

Chương III

BÁO CÁO, KIỂM TRA NGHIỆP VỤ NHẬN ỦY THÁC

Điều 12. Báo cáo

1. Cuối năm, Quỹ có trách nhiệm tổng hợp, đối chiếu số liệu tổng hợp nguồn vốn nhận ủy thác và phí ủy thác với bên ủy thác; đối chiếu với chủ đầu tư, khách hàng về các khoản phát sinh còn quan hệ với Quỹ và báo cáo cho bên ủy thác về tình hình hoạt động nhận ủy thác. Thực hiện báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan quản lý.

2. Hàng năm và khi hoàn thành hoạt động ủy thác, đơn vị nhận ủy thác phải báo cáo với Quỹ tiến độ thực hiện công việc được ủy thác.

Điều 13. Kiểm tra

1. Bên nhận ủy thác chịu sự kiểm tra, kiểm soát của bên ủy thác đối với nguồn vốn ủy thác. Tùy theo tình hình cụ thể, việc kiểm tra, kiểm soát được thực hiện ở từng khâu hoặc tất cả các khâu của quá trình thanh toán

vốn đầu tư, cho vay, hoàn trả vốn vay và quá trình quản lý hoạt động các Quỹ tài chính Nhà nước.

2. Quỹ tự tổ chức thực hiện kiểm tra nghiệp vụ quản lý, thanh toán vốn đầu tư, cho vay vốn ủy thác, quản lý hoạt động các Quỹ tài chính Nhà nước và các lĩnh vực khác. Thông qua công tác tự kiểm tra, nếu có tồn tại, sai sót, phối hợp với bên ủy thác thực hiện xử lý, khắc phục kịp thời.

Chương IV **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 14. Tổ chức thực hiện

Quỹ Đầu tư phát triển, các tổ chức, cá nhân liên quan thực hiện việc ủy thác và nhận ủy thác theo đúng quy chế này.

Điều 15. Sửa đổi, bổ sung

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, Giám đốc Quỹ và các bộ phận có liên quan phản ánh kịp thời, đề xuất bổ sung, sửa đổi, thay thế cho phù hợp trình Hội đồng quản lý Quỹ quyết định./.